

TP. L, ngày 17 tháng 01 năm 2024.

Số: 14/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2024/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa:

- N đơn: Chị **Văn Thị N**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số 01, dãy F, Khu tập thể 19/8, Khóm 10, Phường 1, thành phố L, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh **Trần So N**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số 01, dãy F, Khu tập thể 19/8, Khóm 10, Phường 1, thành phố L, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Văn Thị N với anh Trần So N.

2/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Văn Thị N và anh Trần So N thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Trần N Bảo Ngân, sinh ngày 28/8/2020 cho chị Văn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, hiện tại cháu Ngân đang sống chung với chị N nên được giữ N.

Anh Trần So N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần N Bảo Ngân mỗi tháng

là 6.000.000 đồng/tháng, từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu Trần N Bảo Ngân đủ 18 tuổi.

Anh Trần So N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Văn Thị N và anh Trần So N thống nhất xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4. Về nợ chung: Chị Văn Thị N và anh Trần So N thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.5. Về án phí: Chị Văn Thị N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về nghĩa vụ cấp dưỡng của anh N. Chị Văn Thị N đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002300 ngày 09/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L nay được chuyển thu án phí.

3/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Công Bằng